

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Số: **3899/TCHQ-GSQL**

V/v xử lý vướng mắc tại Nghị định 59
và các văn bản hướng dẫn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2018

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 08/2015/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 59/2018/NĐ-CP như Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 38/2015/TT-BTC; Thông tư 38/2018/TT-BTC quy định về kiểm tra, xác định xuất xứ đối với hàng hóa XNK có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/6/2018. Qua thời gian thực hiện, Tổng cục Hải quan đã nhận được phản ánh vướng mắc của một số Cục Hải quan địa phương.

Trên cơ sở vướng mắc của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Tổng cục Hải quan đã tổng hợp và có hướng dẫn xử lý (theo Bảng tổng hợp gửi kèm). Riêng đối với một số vướng mắc liên quan đến lĩnh vực quản lý thuế, Tổng cục Hải quan sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể sau.

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCT Nguyễn Văn Cận (để báo cáo);
- Cục TXNK, Cục CNTT&TKHQ (để theo dõi t/h);
- Lưu: VT, GSQL (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Mai Xuân Thành




**BẢNG TỔNG HỢP GIẢI QUYẾT VƯỚNG MẮC TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2018/NĐ-CP
VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH**

(Kèm theo công văn số **3899/TCHQ-GSQL** ngày **04/7/2018**)

STT	Nội dung vướng mắc	Nội dung hướng dẫn
I. Vướng mắc liên quan đến Nghị định số 59/2018/NĐ-CP		
1	<p>Theo Tiết a, Điểm 2, Khoản 38 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 67 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định “Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu nhập cảnh tiếp nhận thông tin tàu chuyển cảng do cảng vụ hàng hải, hãng tàu hoặc đại lý hãng tàu chuyển đến, lập Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng theo chỉ tiêu thông tin quy định của Bộ Tài chính gửi đến Chi cục Hải quan nơi tàu dự kiến đến”. Tuy nhiên, Thông tư số 50/2018/TT-BTC ngày 23/5/2018 của Bộ Tài chính chưa ban hành chỉ tiêu thông tin khai báo Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng.</p> <p>Đề nghị Tổng cục nâng cấp hệ thống, bổ sung chỉ tiêu thông tin khai báo Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng qua Công thông tin một cửa quốc gia. ((HQ Cần Thơ)</p>	<p>Tại mẫu số 1 (phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng) - Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 50/2018/TT-BTC ngày 23/05/2018 đã quy định các tiêu chí thông tin khai báo Phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng. Tuy nhiên, do Hệ thống một cửa quốc gia hiện đang trong quá trình nâng cấp, hoàn thiện nên các tiêu chí nêu trên chưa được bổ sung kịp thời trên Hệ thống. Do vậy, Tổng cục Hải quan ghi nhận để nâng cấp Hệ thống một cửa quốc gia.</p> <p>Trong thời gian Hệ thống chưa nâng cấp mà phát sinh thủ tục chuyển cảng, yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố lập phiếu chuyển hồ sơ tàu chuyển cảng bản giấy để thực hiện thủ tục tàu chuyển cảng theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.</p>
2	<p>Tạm nhập tái xuất theo phương thức quay vòng đối với phương tiện bồn có chứa khí, chất lỏng:</p> <p>Căn cứ Khoản 7 Điều 49 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 về địa điểm làm thủ tục hải quan: “Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa phục vụ gia công, sản xuất xuất khẩu”.</p> <p>Căn cứ điểm 5 Khoản 22 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP</p>	<p>Đối với phương tiện quay vòng là bồn chứa khí, chất lỏng có kết cấu ổn định, bền chắc, được sử dụng chuyên dùng chứa và vận chuyển khí, có số ký hiệu in cố định trên vỏ mặt bồn, và chuyên chở bằng xe ô tô chuyên dùng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 49 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP, thủ tục hải quan được thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu.</p>

[Handwritten signature]

<p>ngày 20/04/2018 về địa điểm làm thủ tục hải quan: “ thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu”.</p> <p>Tuy nhiên hàng hóa chứa trong phương tiện quay vòng, doanh nghiệp hiện tại đang làm thủ tục tại Chi cục Hải quan Quản lý Hàng đầu tư với mã loại hình A12.</p> <p>Ý kiến: Đề tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, đề xuất cho doanh nghiệp mở tờ khai tại Chi cục Hải quan Quản lý Hàng đầu tư.</p> <p>(HQ TP.HCM)</p>	<p>Đối với phương tiện quay vòng là bồn chứa khí, chất lỏng khác: thủ tục hải quan thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa phục vụ gia công, sản xuất hàng xuất khẩu.</p> 
<p>II. Vướng mắc liên quan đến nội dung Thông tư số 39/2018/TT-BTC</p>	
<p>Điều 16</p>	
<p>1</p> <p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 sửa đổi, bổ sung quy định Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu không quy định bản chính hay bản chụp đối với Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và không quy định các trường hợp phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Vậy tất cả các lô hàng đều phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa hay chỉ những lô hàng doanh nghiệp xin hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt và trong một số trường hợp đặc biệt mới phải nộp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa.</p> <p>(HQ Thanh Hóa)</p>	<p>Quy định về việc nộp giấy chứng nhận xuất xứ đã được quy định cụ thể tại Thông tư 38/2018/TT-BTC quy định về kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, đề nghị Cục Hải quan Thanh Hóa căn cứ quy định trên để thực hiện</p>
<p>2</p> <p>Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính chưa quy định cụ thể việc lưu trữ hồ sơ điện tử của cơ quan Hải quan thế nào? Cơ quan hải quan có phải in các chứng từ điện tử trên hệ thống ra để lưu không? Nếu có thì phải in những chứng từ nào (chỉ in các chứng từ quy định bản phải nộp là bản chụp hay tất cả các chứng từ)?</p> <p>Trường hợp doanh nghiệp phải scan và nộp tất cả các chứng</p>	<p>Các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan do người khai hải quan gửi qua hệ thống, cơ quan hải quan không phải in để lưu trữ. Trừ trường hợp các chứng từ theo quy định người khai hải quan phải nộp bản chính (như: Giấy phép, giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành,...) hoặc các chứng từ phát sinh trong quá trình giải quyết thủ tục hải quan (như: phiếu ghi kết quả kiểm tra, văn bản đề xuất chuyển luồng, văn bản đề nghị dừng</p>

<p>từ thuộc hồ sơ hải quan (bản chính và bản chụp, bản sao công chứng) trên Hệ thống thì cơ quan hải quan chỉ in các chứng từ phải nộp là bản chụp để lưu cùng bản chính là bản giấy do người khai hải quan nộp trực tiếp hay phải in tất cả các chứng từ điện tử và lưu cùng bản chính là bản giấy do người khai hải quan nộp trực tiếp?</p> <p>Cục HQTP.HCM kiến nghị: Để đảm bảo việc quản lý và theo dõi các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan cũng như hoàn tất thủ tục cho các hàng hóa thuộc tờ khai “mang hàng về bảo quản”, “giải phóng hàng” cần phải có tờ khai và chứng từ thuộc hồ sơ hải quan bằng bản giấy, trong khi chưa có hướng dẫn mới về công tác lưu trữ của Tổng cục Hải quan, tiếp tục thực hiện hướng dẫn của Tổng cục Hải quan tại công văn số 5672/TCHQ-GSQL ngày 17/6/2016 về việc in và lưu trữ tờ khai hải quan.</p> <p>(HQ Quảng Ninh, TP.HCM)</p>	<p>đưa hàng qua khu vực giám sát, lập biên bản chứng nhận, biên bản vi phạm, quyết định xử lý...) thì công chức hải quan thực hiện việc quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ in thông tin chung của tờ khai hải quan (02 trang đầu của tờ khai hải quan, không in chi tiết dòng hàng), lưu kèm với các chứng từ nêu trên.</p>
<p>Điều 18</p>	
<p>3 - Tại điểm 2, Công văn số 6376/TCHQ-GSQL ngày 14/7/2015 của Tổng cục Hải quan hướng dẫn thông tư 38/2015/TT-BTC quy định cách thực hiện đối với hàng hóa xuất khẩu của 02 chủ hàng cùng đóng chung 01 container.</p> <p>Thông tư 39/2018/TT-BTC chỉ hướng dẫn khai báo đối với trường hợp hàng đóng chung container của nhiều tờ khai xuất khẩu của cùng 1 chủ hàng, không hướng dẫn việc đóng chung container của nhiều tờ khai xuất khẩu của nhiều chủ hàng. Như vậy trường hợp trên có tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn 6376/TCHQ-GSQL ngày 14/7/2015 của Tổng cục Hải quan không.</p> <p>(HQ Quảng Nam)</p>	<p>Theo khoản 4 Điều 4 và khoản 3 Điều 61 Luật Hải quan thì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm thu gom hàng lẻ là khu vực kho, bãi dùng để thực hiện các hoạt động thu gom, chia, tách hàng hoá của nhiều chủ hàng vận chuyên chung công-te-nơ. - Hàng hoá được đưa vào địa điểm thu gom hàng lẻ gồm hàng hóa nhập khẩu chưa làm thủ tục hải quan, hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan hoặc đã đăng ký tờ khai hải quan nhưng việc kiểm tra thực tế hàng hoá sẽ được thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ. <p>Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai hệ thống giám sát, quản lý giám sát hàng hoá tự động tại cảng biển đã phát sinh</p>



- Ngày 20/6/2018 Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài có tiếp nhận lô hàng gồm 04 tờ khai hàng hóa (đã được thông quan trên hệ thống) của 04 doanh nghiệp khác nhau, đóng ghép chung 01 container, được đăng ký tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài 03 tờ khai và Chi cục Hải quan Quản lý hàng Đầu tư-Gia công Hà Nội 01 tờ khai.

Do lô hàng hiện nay doanh nghiệp đã đưa đến cửa khẩu Mộc Bài, để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc xuất khẩu hàng hóa, đồng thời đảm bảo trong công tác quản lý và giám sát của Hải quan, Chi cục giải quyết cho doanh nghiệp đăng ký và thủ tục giám sát hàng hóa của từng tờ khai, nếu hàng hóa đúng với khai báo trên tờ khai thì giải quyết cho xuất khẩu qua cửa khẩu Mộc Bài theo quy định.

Tuy nhiên, nếu căn cứ theo quy định tại Thông tư 39 thì các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn Tây Ninh có nhu cầu đóng ghép đối với hàng hóa đóng chung container của nhiều chủ hàng khác nhau để xuất khẩu ra nước ngoài sẽ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm doanh nghiệp kinh doanh kho CFS tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh hay các tỉnh lân cận có kinh doanh loại hình này để đóng ghép sau đó vận chuyển đến Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài giám sát xuất khẩu ra nước ngoài hoặc các doanh nghiệp khác đăng ký tờ khai xuất khẩu ở các nơi (như trình bày ở trên) sau đó vận chuyển hàng hóa đến Chi cục Hải quan cửa khẩu Mộc Bài làm thủ tục xuất khẩu. Bởi vì, tại cửa khẩu Mộc Bài cũng như các cửa khẩu khác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh chưa có doanh nghiệp kinh doanh kho CFS để đóng ghép đối với hàng hóa đóng chung container của nhiều chủ hàng khác nhau để xuất khẩu ra nước ngoài.

Do đó, nếu trường hợp hàng hóa của nhiều chủ hàng khác nhau đóng chung container không đưa vào kho CFS để làm các

các vướng mắc, bất cập liên quan đến hàng hoá xuất khẩu của nhiều chủ hàng đóng chung container ngoài CFS hoặc ngoài khu vực cửa khẩu. Do vậy, tại Thông tư 39/2018/TT-BTC đã sửa đổi lại quy định về hoạt động đóng ghép, chia tách đối với các lô hàng của nhiều chủ hàng vận chuyển chung trong container tại Thông tư 38, theo đó, các hoạt động chia tách, đóng ghép hàng hóa phải được thực hiện trong kho CFS. Những văn bản hướng dẫn không phù hợp với Thông tư 39 sẽ không còn giá trị để thực hiện.

Đề nghị các Cục Hải quan tỉnh, thành phố hướng dẫn doanh nghiệp căn cứ các quy định dẫn trên để thực hiện thủ tục đóng ghép lô hàng chung container theo đúng quy định tại khoản 32 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.

	<p>thủ tục theo quy định tại khoản 32 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC mà vận chuyển thẳng đến của khẩu xuất để làm thủ tục xuất khẩu ra nước ngoài thì xử lý như thế nào trong khi đó trên địa bàn Tây Ninh chưa có doanh nghiệp kinh doanh kho CFS.</p> <p>(HQ Tây Ninh)</p>	
<p>4</p>	<p>Theo phản ánh của doanh nghiệp, đối với các chứng từ scan gửi qua hệ thống hải quan có tổng dung lượng không được vượt quá 2 MB và không cho gửi file số liệu qua hệ thống, kê cả đã chia nhỏ file; trường hợp chia nhỏ file thì doanh nghiệp phải nhập nhiều lần thông tin của chứng từ đó. Điều này sẽ gây khó khăn cho công chức thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu hồ sơ.</p> <p>HQTP.HCM kiến nghị: Trường hợp nếu hồ sơ vượt quá dung lượng cho phép (>2MB), cho phép doanh nghiệp được nộp chứng từ bản giấy thuộc hồ sơ hải quan nếu hồ sơ có dung lượng vượt quá 2MB.</p> <p>(HQ Quảng Ninh, TP.HCM)</p>	<p>Việc gửi chứng từ thuộc hồ sơ hải quan qua hệ thống đã được thực hiện trên hệ thống, đề nghị các đơn vị hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện gửi các chứng từ trên hệ thống.</p> <p>Trường hợp số lượng hồ sơ vượt quá dung lượng cho phép của hệ thống thì chấp nhận cho doanh nghiệp được nộp toàn bộ chứng từ thuộc hồ sơ hải quan dưới dạng bản giấy, trừ các chứng từ cấp trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.</p> <p>Tổng cục Hải quan ghi nhận vướng mắc khi nâng cấp hệ thống.</p>
<p>5</p>	<p>Tại Điểm a, Khoản 1, Điều 18 thông tư 38/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7, điều 1 thông tư 39/2018: Một số chứng từ tại thời điểm khai, nộp hồ sơ hải quan, doanh nghiệp chưa có để gửi kèm, VD: chứng từ thu phí phát hành lệnh giao hàng, biên bản lấy mẫu phục vụ kiểm tra chuyên ngành đối với trường hợp lấy mẫu tại cửa khẩu..., các chứng từ này thường phát sinh khi doanh nghiệp đến cửa khẩu nhận hàng. Để thực hiện đúng quy định doanh nghiệp phải gửi về văn phòng để chuyển đổi sang dạng điện tử và gửi bổ sung chứng từ đến Hệ thống của cơ quan hải quan, việc này làm tăng thêm thời gian khai báo hải quan của doanh nghiệp.</p>	<p>Các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan đã được quy định cụ thể tại Điều 16 Thông tư 38, đề nghị các đơn vị căn cứ để thực hiện. Các chứng từ cơ quan hải quan yêu cầu nộp trong quá trình kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hoá theo quy định tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC, người khai hải quan nộp thông qua hệ thống.</p>

	(HQ Quảng Ninh)	
6	<p>Hiện nay người khai hải quan không thể tách vận tải đơn khai báo trên Hệ thống VNACCS theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC đối với trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa có chung vận tải đơn cho nhiều tờ khai. Đề nghị hướng dẫn xử lý đối với trường hợp này.</p> <p>(HQ Khánh Hòa, TP.HCM)</p>	<p>Hiện nay, Hệ thống chưa hỗ trợ chức năng tách vận tải đơn đối với trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa có chung vận tải đơn cho nhiều tờ khai, do vậy, đề nghị đơn vị hướng dẫn người khai hải quan ghi vào ô ghi chú: "<i>Vận đơnchung với các tờ khai...</i>"</p>
Điều 20		
7	<p>Theo quy định tại tiết a.2 điểm a khoản 1 Điều 20 thì trường hợp người khai hải quan khai bổ sung sau thời điểm cơ quan hải quan thông báo kết quả phân luồng nhưng cơ quan Hải quan chưa kiểm tra hồ sơ (đối với luồng vàng, luồng đỏ) thì vẫn bị xử lý vi phạm. Tuy nhiên, hiện nay, Nghị định số 59/2018/NĐ-CP và Thông tư số 39/2018/TT-BTC mới xác định nội dung vi phạm trong khi Nghị định 127/2013/NĐ-CP chưa quy định về hành vi và mức xử phạt, do đó, cơ quan hải quan chưa có cơ sở xử phạt.</p> <p>(HQ Hà Nội, Lạng Sơn, TP.HCM, Hải Phòng)</p>	<p>Việc xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định 127/2013/NĐ-CP và Nghị định 45/2016/NĐ-CP. Trường hợp tại các Nghị định nêu trên chưa có quy định cụ thể về hành vi vi phạm, chế tài xử lý thì không có căn cứ để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tổng cục Hải quan ghi nhận và nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến việc xử lý vi phạm hành chính về hải quan.</p>
8	<p>Theo quy định tại điểm a4 Khoản 2 Điều 20 Thông tư 39/2018/TT-BTC: trường hợp doanh nghiệp thay đổi tên phương tiện vận chuyển mà không thay đổi cảng xếp hàng, cửa khẩu xuất thì có phải thực hiện theo hướng dẫn tại điều này không?</p> <p>(HQ Hà Nội)</p>	<p>Trường hợp này, cơ quan hải quan cửa khẩu thực hiện giám sát hàng hóa xếp lên phương tiện và hướng dẫn người khai hải quan thực hiện khai bổ sung tên phương tiện vận tải xuất cảnh theo quy định.</p>
9	<p>Theo quy định tại Khoản 9, Điều 1, Thông tư số 39, người khai hải quan phải thực hiện khai báo bổ sung lượng hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hàng hóa đưa qua khu vực giám sát hải quan. Do tờ khai đã thông quan nên công chức hải quan không thể chỉ thị, thông báo qua hệ thống cho người khai hải quan mà phải gọi điện thông báo hoặc</p>	<p>Theo quy định tại khoản 9, Điều 1, Thông tư số 39, người khai hải quan có trách nhiệm khai bổ sung lượng hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hàng hóa đưa qua khu vực giám sát hải quan. Quá thời hạn trên nêu trên, người khai hải quan không thực hiện khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện ấn định thuế (nếu có).</p>

	<p>làm văn bản đề nghị người khai hải quan khai báo bổ sung theo lượng thực tế. Việc thực hiện khai báo bổ sung được thực hiện trên tờ khai AMA.</p> <p>Theo quy định tại Điểm 3.b.2, Khoản 9, Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC “Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ thời điểm tiếp nhận đủ hồ sơ khai bổ sung, công chức hải quan hoàn thành việc xử lý và thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ khai bổ sung thông qua Hệ thống, trường hợp không chấp nhận nội dung khai bổ sung thì phải nêu rõ lý do từ chối”. Tuy nhiên do phần mềm chưa tích hợp, nên người khai Hải quan vẫn phải thực hiện sửa đổi bổ sung theo tờ khai AMA và truyền nội dung yêu cầu sửa đổi bổ sung qua Dịch vụ công trực tuyến, công chức Hải quan thực hiện tiếp nhận nội dung sửa đổi và phản hồi cho người khai hải quan qua Dịch vụ công trực tuyến. Như vậy, việc tiếp nhận và sửa đổi 01 tờ khai luồng xanh đối với mặt hàng rời mang tính chất đặc thù mất nhiều thời gian. Điều này gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp cũng như cho công chức Hải quan thực hiện thủ tục tiếp nhận sửa đổi bổ sung tờ khai.</p> <p>(HQ Quảng Ninh)</p>	<p>Trường hợp người khai hải quan khai bổ sung bằng Tờ khai bổ sung sau thông quan (thông qua nghiệp vụ AMA/AMC), công chức hải quan được phân công tiếp nhận tiến hành kiểm tra hồ sơ và đề xuất hình thức xử lý theo quy định, sau khi Chi cục trưởng phê duyệt công chức sử dụng nghiệp vụ CAM để thông báo kết quả xử lý đến người khai hải quan.</p> <p>Đề nghị đơn vị lưu ý hướng dẫn người khai hải quan nếu đã thực hiện khai bổ sung hồ sơ hải quan trên Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử thì không phải thực hiện trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p>
<p>10</p>	<p>Tại điểm a,1 khoản 2 Điều 20 được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC: Quy định việc khai bổ sung đối với mẫu 05 Phụ lục II Thông tư 39/2018/TT-BTC: Tờ khai bổ sung sau thông quan.</p> <p>Trong quá trình thực hiện đối với tờ khai sửa sau thông, chưa có màn hình tra cứu, phân công xử lý tờ khai sửa đổi, bổ sung sau thông quan (AMA) trên hệ thống VNACCS, chưa có chức năng gắn file dữ liệu chứng minh việc khai bổ sung qua hệ thống.</p> <p>(HQ Quảng Ninh)</p>	<p>Tổng cục Hải quan ghi nhận vướng mắc của đơn vị để nghiên cứu xây dựng hệ thống trong thời gian tới.</p>
<p>Điều 22</p>		

<p>11</p>	<p>Tại Điểm 1.a.1 Khoản 11 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 về các trường hợp hủy tờ khai: “ Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu mà không có hàng hóa đến cửa khẩu nhập”</p> <p>Trên thực tế phát sinh trường hợp, hàng hóa đã về đến cửa khẩu. Doanh nghiệp đã đăng ký tờ khai nhưng công ty chưa tiến hành xuất trình hàng hóa, hồ sơ cho cơ quan hải quan kiểm tra thực tế và tờ khai quá hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai.</p> <p>Căn cứ Khoản 2 Điều 25 Luật Hải quan: Tờ khai có giá trị làm thủ tục hải quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai.</p> <p>Đề nghị có hướng dẫn cho các trường hợp hủy tờ khai trên. (HQ TP.HCM)</p>	<p>Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC, nếu thực tế hàng hóa đã đến cửa khẩu nhập thì không thực hiện hủy tờ khai và làm tiếp thủ tục hải quan theo quy định.</p>
<p>12</p>	<p>Tờ khai nhập khẩu tại chỗ khai trùng thông tin với tờ khai khác và đã quá thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký. Tuy nhiên, trường hợp này không thuộc các trường hợp hủy tờ khai quy định tại Khoản 11 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.</p> <p>Đề nghị TCHQ hướng dẫn thực hiện (HQ Cần Thơ)</p>	<p>Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện hủy tờ khai như đối với trường hợp Hệ thống gặp sự cố quy định tại điểm b.3 khoản 2 Điều 22 Thông tư 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC.</p>
<p>Điều 23</p>		
<p>13</p>	<p>1. Nguyên tắc kiểm tra: Tại Chi cục đang thực hiện như sau, cán bộ đội nghiệp vụ phân tờ khai đến các công chức tiếp nhận hồ sơ, thông thường đối với số lượng tờ khai tại Chi cục, một công chức sẽ được phân nhiều hơn 1 bộ trong một lúc. Công chức tiến hành kiểm tra sơ bộ tính đầy đủ của các bộ hồ sơ, sau đó sẽ tiến hành kiểm tra chi tiết theo thứ tự tờ khai đăng ký, tuy nhiên sau</p>	<p>Việc quy định thời hạn kiểm tra tính đầy đủ của bộ hồ sơ chỉ áp dụng đối với các tờ khai luồng vàng, luồng đỏ. Việc kiểm tra tính đầy đủ của bộ hồ sơ được hiểu là kiểm tra đối chiếu các đầu chứng từ do người khai nộp với chứng từ do người khai kê khai. Trường hợp qua kiểm tra chi tiết hồ sơ nếu xác định người khai hải quan nộp thiếu hoặc không phù</p>

<p>khi tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của bộ hồ sơ, công chức phát hiện ra điểm chưa hợp lý và yêu cầu doanh nghiệp giải trình hay xuất trình hồ sơ chứng minh, quá trình kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ diễn ra quá 1 giờ làm việc. Như vậy, việc yêu cầu đó có được coi là vi phạm điều 23 Thông tư 39/2018/TT-BTC không?</p> <p>(HQ Hà Nội)</p> <p>2. Đối với tờ khai luồng xanh: Hệ thống tự động tiếp nhận và thông quan hàng hóa. Vậy đối với quy định tại Theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC, cơ quan Hải quan có phải kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ của hồ sơ hải quan hay không?</p> <p>Theo quy định hiện hành, việc kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ hải quan được thực hiện trên Hệ thống Ecustoms. Tuy nhiên, qua kiểm tra Hệ thống Ecustoms chưa được bổ sung chức năng phản hồi qua Hệ thống. Vậy việc phản hồi theo quy định nêu trên được thực hiện trên Hệ thống Ecustoms hay trên Hệ thống Vnaccs (ngành vụ IDD, mã A).</p> <p>(HQ Quảng Ninh)</p>	<p>hợp với quy định thì cơ quan hải quan có quyền yêu cầu người khai hải quan nộp bổ sung.</p> <p>Cách thức kiểm tra, Tổng cục Hải quan sẽ có hướng dẫn cụ thể tại quy trình nghiệp vụ hải quan.</p>
<p>Điều 31</p>	
<p>14</p> <p>Khoản 3, Điều 31 được sửa đổi tại Thông tư 39/2018/TT-BTC quy định: Giám sát việc lấy mẫu để phục vụ kiểm tra chuyên ngành trong địa bàn hoạt động hải quan:</p> <p>Trách nhiệm lấy mẫu thuộc cơ quan kiểm tra chuyên ngành, việc lấy mẫu phải lập biên bản xác nhận lấy mẫu.</p> <p>Người khai hải quan thông báo việc lấy mẫu để phục vụ kiểm tra chuyên ngành theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu 17 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này cho Chi cục Hải quan nơi lưu giữ hàng hóa thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải</p>	<p>Tại điểm b khoản 2 Điều 33 Nghị định 08/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP) đã có quy định cụ thể “<i>Cơ quan kiểm tra chuyên ngành trực tiếp thực hiện việc lấy mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại địa điểm do người khai hải quan thông báo; trường hợp lấy mẫu trong địa bàn hoạt động hải quan, cơ quan hải quan thực hiện giám sát việc lấy mẫu trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro</i>”, Tổng cục Hải quan ghi nhận vướng mắc của đơn vị và sẽ có văn bản trao đổi với Bộ NN&PTNT. Trước mắt, để tránh ách tắc hàng hóa tại cửa khẩu, yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành</p>

<p>quan.</p> <p>Tuy nhiên, tại khoản 3, Điều 7, Thông tư 27/2017/TT0-BNNPTNT ngày 25/12/2017 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu quy định: Khi lô hàng muối về đến cửa khẩu, người nhập khẩu liên hệ với cơ quan Hải quan cửa khẩu để lấy mẫu muối theo quy định tại điểm c, khoản 3 Điều này. Mẫu đại diện của lô hàng muối nhập khẩu được lấy có sự chứng kiến của đại diện cơ quan hải quan cửa khẩu nhập... Mẫu Muối được dán số hiệu niêm phong của cơ quan hải quan. Đại diện người nhập khẩu và cơ quan hải quan lập biên bản lấy mẫu muối nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p><u>Vướng mắc:</u></p> <p>Như vậy, quy định về lấy mẫu tại Thông tư 39/2018/TT-BTC và Thông tư 27/2017/TT-BNNPTNT đang có sự khác nhau về cơ quan thực hiện lấy mẫu hàng hóa để kiểm tra chuyên ngành.</p> <p>Theo phản ánh của doanh nghiệp hiện đang làm thủ tục tại Chi cục đại diện cơ quan kiểm tra chuyên ngành muối nhập khẩu vẫn thực hiện theo Thông tư 27/2017/TT0-BNNPTNT, không thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư 39/2018/TT-BTC.</p> <p>Mặt khác, hiện tại Mẫu 17, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 39/2018/TT-BTC vẫn chưa thực hiện được trên hệ thống xử lý dữ liệu của cơ quan Hải quan (Vnacc/Vcis, ECustoms), chưa có phần thực hiện nhận thông báo, phản hồi thông báo của doanh nghiệp khi thực hiện các yêu cầu trên.</p> <p>(HQ Hà Nội)</p>	<p>phổ tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2017/TT0-BNNPTNT.</p>
--	--

Điều 32		
15	Khoản 3 quy định người khai Hải quan phải gửi hồ sơ đề nghị	Trong trường hợp này, người khai hải quan nộp Biên bản

<p>đưa hàng về bảo quản cho Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai thông qua Hệ thống, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị đưa hàng về bảo quản theo các tiêu chí quy định tại mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; - Biên bản lấy mẫu có xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành trong trường hợp lấy mẫu tại cửa khẩu. <p>Vướng mắc: Đối với mặt hàng Muối nhập khẩu, hiện tại, cơ quan kiểm tra chuyên ngành không thực hiện lấy mẫu; Mẫu biên bản lấy mẫu kèm theo Thông tư 27/2017/TT0-BNNPTNT không có phần xác nhận của cơ quan kiểm tra chuyên ngành, như vậy, doanh nghiệp không thể có biên bản lấy mẫu để nộp cho cơ quan hải quan theo quy định nêu trên.</p> <p>(HQ Hà Nội)</p>	<p>lấy mẫu theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư 27/2017/TT0-BNNPTNT khi đề nghị đưa hàng về bảo quản.</p>
<p>16 Tại Khoản 3 Điều 32 thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 21, Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC: Hàng hóa phải kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm, trường hợp cơ quan kiểm tra chuyên ngành chỉ định đưa hàng hóa về địa điểm kiểm tra theo pháp luật về kiểm tra chuyên ngành thì Người khai hải quan gửi đề nghị đưa hàng về địa điểm kiểm tra theo các tiêu chí quy định tại mẫu số 18 Phụ lục II.</p> <p>Tại mẫu số 18: Mục 18.9 Mã địa điểm đưa hàng về bảo quản; mục 18.10 Tên địa điểm đưa hàng về bảo quản Tại 02 mục này có cho phép nhập nhiều địa điểm đưa hàng về bảo quản hay không? Bởi thực tế mặt hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu, theo giấy tạm cấp kết quả kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch, lô hàng trên 1 tờ khai có thể được đưa về nhiều địa điểm bảo quản khác nhau.</p> <p>(HQ Hà Nội)</p>	<p>Hiện Tổng cục Hải quan đang xây dựng hệ thống để có thể thực hiện việc trao đổi thông tin về việc bảo quản hàng hóa giữa người khai hải quan và cơ quan hải quan. Trong thời gian chờ hệ thống đi vào hoạt động, việc đề nghị đưa hàng về bảo quản đề nghị đơn vị hướng dẫn người khai hải quan sử dụng mẫu 09/BQHH/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư 38. Mặt khác, tại Thông tư cũng không giới hạn việc bảo quản hàng hóa tại nhiều địa điểm khác nhau, tuy nhiên, người khai hải quan phải kê khai đầy đủ các địa điểm bảo quản.</p>

17	<p>Điểm b. 1.4.2 khoản 3 Điều 32 Thông tư 38 được sửa đổi bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Thông tư 39: Trường hợp địa điểm bảo quản hàng hóa là địa điểm kiểm tra tại chân công trình hoặc cơ sở sản xuất, nhà máy đã được Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố quyết định công nhận theo quy định tại Điều 102 Thông tư này: 01 bản chụp quyết định công nhận.</p> <p>Tuy nhiên, địa điểm kiểm tra đều được cấp mã nên không cần thiết phải nộp 1 bản chụp nữa. Mặt khác, hiện nay hệ thống chưa khai báo được thời hạn của địa điểm kiểm tra (VNACCS).</p> <p>(HQ Quảng Ninh)</p>	<p>Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 32 Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC.</p> <p>Tổng cục Hải quan ghi nhận kiến nghị để xây dựng hệ thống quản lý tập trung các địa điểm kiểm tra trên toàn quốc và không yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bản chụp quyết định công nhận.</p>
18	<p>Theo điểm b.3 khoản 5 Điều 32 Thông tư 38 được sửa đổi bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Thông tư 39, Chi cục Hải quan có trách nhiệm: Cập nhật danh sách doanh nghiệp vi phạm không được mang hàng về bảo quản theo quy định tại khoản 6 Điều này vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.</p> <p>Hiện tại cơ quan hải quan chỉ cập nhật hồ sơ vi phạm trên hệ thống QLVP14, chưa có hướng dẫn cụ thể nhập liệu trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan nội dung này ở đâu.</p> <p>(HQ Quảng Ninh)</p>	<p>Hiện Tổng cục Hải quan đã xây dựng Hệ thống để các đơn vị có thể cập nhật thông tin doanh nghiệp không được phép đưa hàng về bảo quản, trước mắt đề nghị các đơn vị thông báo danh sách các doanh nghiệp không được đưa về bảo quản để Cục Hải quan các tỉnh, thành phố khác biết phối hợp theo dõi.</p>
19	<p>Tại tiết b điểm 5 khoản 21 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC về trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan trong việc kiểm tra bảo quản hàng hóa quy định:</p> <p><i>“b.1.1) Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản nhưng chưa nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành và cơ quan kiểm tra chuyên ngành không có văn bản xác nhận kéo dài thời gian kiểm tra. Trong thời gian chờ kiểm tra, xử lý, người khai hải quan không được đưa về bảo quản đối với các lô hàng tiếp theo”</i></p>	<p>Theo quy định tại điểm b.1.1 khoản 5 Điều 32 Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC thì việc không cho doanh nghiệp đưa về bảo quản đối với trường hợp quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày đưa hàng về bảo quản nhưng chưa nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành và cơ quan kiểm tra chuyên ngành không có văn bản xác nhận kéo dài thời gian kiểm tra để Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai thực hiện việc kiểm tra, xác minh, sau khi có kết quả xác minh nếu xác định việc chậm</p>

	<p>Việc quy định như vậy có được hiểu là Doanh nghiệp không được mang hàng về bảo quản trên phạm vi toàn quốc hay không? Trong trường hợp cập nhật Danh sách doanh nghiệp không được mang hàng về bảo quản trên phạm vi toàn quốc thì thời hạn doanh nghiệp không được mang hàng về bảo quản có được tính từ ngày thứ 31 hay không vì tại điểm 6 khoản 21 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC quy định:</p> <p><i>a) Trong thời gian 01 năm kể từ ngày bị cơ quan hải quan lập Biên bản vi phạm về hành vi không đảm bảo nguyên trạng hàng hóa...</i></p> <p><i>b) Trong thời gian 06 tháng kể từ ngày bị xử phạt về hành vi vi phạm quy định về thời hạn nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành.</i></p> <p>Và thời hạn không được mang hàng về bảo quản là 06 tháng hay 01 năm vì chưa thể xác định được doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định tại tiết a điểm 6 khoản 21 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC hay không?</p> <p>(HQ Lạng Sơn)</p>	<p>nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành là do lỗi của người khai hải quan thì thực hiện xử lý vi phạm hành chính theo quy định và không cho doanh nghiệp đưa hàng về bảo quản theo quy định. Do vậy, trong thời gian thực hiện kiểm tra, xác minh thì việc không cho người khai hải quan đưa hàng về bảo quản chỉ áp dụng trong phạm vi Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai.</p>
Điều 50		
<p>20</p>	<p>Hiện nay tại Chi cục đang thực hiện thủ tục giám sát cho hàng hóa xuất khẩu bằng đường sắt liên vận quốc tế đã hoàn thành thủ tục hải quan tại Chi cục và các Chi cục hải quan ngoài cửa khẩu khác thuộc các Cục Hải quan trên toàn quốc. Hàng hóa xuất khẩu sau khi hoàn thành thủ tục hải quan được vận chuyển bằng các phương tiện vận tải đến Ga đường sắt quốc tế Yên Viên để bốc hàng lên các toa tàu liên vận quốc tế để xuất khẩu. Trên tờ khai hải quan xuất khẩu doanh nghiệp khai báo “Mã địa điểm xếp hàng” là VNYVHN-Yên Viên, hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải xuất cảnh tại Ga Yên Viên, toa tàu vận chuyển hàng</p>	<p>Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển từ Ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa đến Ga đường sắt liên vận quốc tế tại biên giới để xuất khẩu thực hiện theo thủ tục vận chuyển độc lập quy định tại Điều 51b Thông tư số 39/2018/TT-BTC.</p> <p>Chi cục Hải quan quản lý Ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa thực hiện xác nhận hàng qua khu vực giám sát ngay sau khi xác nhận hàng đi (BOA) trên hệ thống.</p>

	<p>hóa trên sẽ được vận chuyển lên Ga Đông Đăng- Lạng Sơn để thay đầu kéo tiếp tục vận chuyển qua Trung Quốc (không thay đổi toa chứa hàng, toa chở hàng đối với trường hợp vận chuyển hàng hóa bằng container).</p> <p>Đối chiếu với các quy định tại khoản 28, Điều 1, Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi Điều 50 quy định chung về hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan thì không có hướng dẫn thủ tục giám sát hải quan đối với trường hợp nêu trên (hàng hóa vận chuyển từ Ga Đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa đến Ga đường sắt liên vận quốc tế tại biên giới để xuất khẩu).</p> <p><u>Vướng mắc:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp nêu trên, Chi cục Hải quan Ga ĐSQT Yên Viên thực hiện việc giám sát hải quan như thế nào? - Việc xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát trên hệ thống đơn vị hải quan nào thực hiện, Chi cục Hải quan Ga ĐSQT Yên Viên hay Chi cục Hải quan Ga ĐSLVQT tại biên giới? <p>(HQ Hà Nội)</p>	
21	<p>Tại mục 6.1 phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC có quy định cụ thể như sau: Chỉ tiêu thông tin liên quan đến Tờ khai vận chuyển độc lập:</p> <p>7.17. Ngày dự kiến kết thúc vận chuyển</p> <p>Ngày dự kiến kết thúc vận chuyển khai báo phải trùng hoặc sau ngày (\geq) dự kiến bắt đầu vận chuyển.</p> <p>Đối với hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, thời gian dự kiến kết thúc vận chuyển không quá 01 ngày đối với quãng đường dưới 500km và không quá 03 ngày đối với quãng đường từ 500km trở lên.</p>	<p>Tại chỉ tiêu thông tin 7.17. ngày dự kiến kết thúc vận chuyển mẫu số 07 phụ lục I kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC thay thế phụ lục II Thông tư 38/2015/TT-BTC chỉ quy định thời gian vận chuyển dự kiến bằng đường bộ và đường thủy nội địa, không áp dụng đối với loại hình vận chuyển khác. Do vậy, đối với hàng hóa vận chuyển đa phương thức (kết hợp vận chuyển đường bộ với đường sắt) thì thời gian vận chuyển theo thời gian đăng ký của người khai hải quan.</p>

Khi thực hiện thủ tục quá cảnh từ Chi cục Hải quan Ga ĐSQT Đồng Đăng đến cửa khẩu Mộc Bài (Tây Ninh) hàng quá cảnh được vận chuyên bằng đường sắt (khổ rộng 1,435m) từ Ga Đồng Đăng về đến Ga Yên Viên sau đó được chuyển tải sang phương tiện vận tải đường sắt (khổ rộng 1 m) để vận chuyển tiếp đến Ga Sóng Thần (Bình Dương), hàng tiếp tục được chuyển tải sang phương tiện vận tải đường bộ để vận chuyển đến cửa khẩu Mộc Bài. Khi thực hiện sẽ gặp khó khăn, khó đảm bảo việc vận chuyển hàng quá cảnh từ Ga ĐSQT Đồng Đăng đến cửa khẩu Mộc Bài không quá 3 ngày.

Tại mục 6.3 phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC có quy định: Các chỉ tiêu thông tin được phép khai bổ sung sau khi hàng hóa được cơ quan hải quan xác nhận đủ điều kiện vận chuyển đi trên Hệ thống (BOA) và trước thời điểm cơ quan hải quan cập nhật thông tin hàng đến trên Hệ thống (BIA): (1) Ngày dự kiến kết thúc vận chuyển; (2) Thời gian dự kiến kết thúc vận chuyển

Như vậy, nếu doanh nghiệp khai bổ sung thời gian dự kiến kết thúc vận chuyển sau khi hàng hóa được cơ quan hải quan xác nhận đủ điều kiện vận chuyển đi trên Hệ thống (BOA) và trước thời điểm cơ quan hải quan cập nhật thông tin hàng đến trên Hệ thống (BIA) *thời gian vận chuyển quá 03 ngày* có được cơ quan Hải quan nơi vận chuyển đi chấp nhận hay không?

(HQ Lạng Sơn)

Điều 56

22

Về thời hạn thông báo cơ sở sản xuất đối với Doanh nghiệp chế xuất:

Điểm b Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP về

Quy định tại Điều 56 quy định chung việc thông báo cơ sở sản xuất đối với tất cả các tổ chức, cá nhân có hoạt động GC, sản xuất hàng hoá xuất khẩu trong đó có bao gồm cả DNCX. Do vậy, doanh nghiệp chế xuất trước khi làm thủ tục nhập

<p>trách nhiệm tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa gia công, sản xuất xuất hàng hóa xuất khẩu: “1. Trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đầu tiên để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, tổ chức, cá nhân nộp cho Chi cục Hải quan nơi dự kiến làm thủ tục báo cáo quyết toán các chứng từ sau:</p> <p>b) Văn bản thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu theo mẫu do Bộ Tài Chính ban hành: 01 bản chính.”</p> <p>Tuy nhiên, điểm a khoản 1 Điều 56 Thông tư 38/2015/TT-BTC sửa đổi bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC thì doanh nghiệp chế xuất cũng quy định thông báo cơ sở sản xuất nhưng không quy định thời hạn.</p> <p>Đề xuất: Doanh nghiệp chế xuất trước khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư đầu tiên để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu phải có văn bản thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, sản phẩm xuất xuất khẩu.</p> <p>(HQ Quảng Ngãi)</p>	<p>khẩu lô hàng nguyên liệu, vật tư đầu tiên để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu phải có văn bản thông báo cơ sở sản xuất theo quy định.</p>
<p>23 Theo quy định tại khoản 36 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC về “<i>Thông báo cơ sở gia công, ...; hợp đồng, phục lục hợp đồng gia công</i>”, thì: việc khai báo số tiếp nhận hợp đồng gia công, phụ lục hợp đồng gia công tại ô Số của giấy phép trên tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu. Tuy nhiên số tiếp nhận hợp đồng gia công và phụ lục HĐGC quá 10 số thì khai báo như thế nào? (vì Ô Số của giấy phép trên tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu chỉ có 5 dòng tương ứng với 5 số tiếp nhận).</p> <p>(HQ Quảng Nam)</p>	<p>Theo thiết kế của hệ thống VNACCS chỉ tiêu “Giấy phép nhập khẩu/giấy phép xuất khẩu” trên tờ khai nhập khẩu/xuất khẩu được khai tối đa 05 loại giấy phép. Theo đó, kể từ khi triển khai hệ thống VNACCS/VCIS (năm 2014) chưa phát sinh trường hợp tờ khai có quá 05 loại giấy phép, do đó đề nghị Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam nêu trường hợp cụ thể để Tổng cục Hải quan kịp thời hướng dẫn.</p>

24	<p>Tại tiết a điểm 2 khoản 36 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC về khai số tiếp nhận hợp đồng gia công trên tờ khai xuất khẩu, tờ khai nhập khẩu tại ô “Giấy phép nhập khẩu”:</p> <p>Doanh nghiệp không thực hiện được vì trên phần mềm chưa có trường để khai báo số tiếp nhận hợp đồng. Được biết Công ty cung cấp phần mềm cho doanh nghiệp chưa cập nhật tiêu chí này.</p> <p>(HQ TP.HCM)</p>	<p>Nội dung này hiện nay các Công ty cung cấp dịch vụ phần mềm đầu cuối đã thiết kế phù hợp với quy định. Đề nghị Cục Hải quan tỉnh, thành phố hướng dẫn doanh nghiệp cập nhật phần mềm đầu cuối phiên bản mới.</p>
Điều 57		
25	<p>Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 38/2015/TT-BTC không quy định đối với trường hợp kiểm tra cơ sở của Doanh nghiệp chế xuất. Tuy nhiên, điểm a khoản 1 Điều 39 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP về việc “Kiểm tra cơ sở gia công, sản xuất, năng lực gia công, sản xuất” quy định các trường hợp kiểm tra gồm: “ a) Tổ chức, cá nhân lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu;”.</p> <p>Đề xuất: Doanh nghiệp chế xuất phải thực hiện kiểm tra cơ sở sản xuất đối với tổ chức, cá nhân lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP</p> <p>(HQ Quảng Ngãi)</p>	<p>Việc kiểm tra cơ sở sản xuất tại Điều 57 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC quy định chung cho tất cả các tổ chức, cá nhân có hoạt động GC, SXKK nên khi nhập khẩu lần đầu theo loại hình DNCX cũng là đối tượng để kiểm tra cơ sở sản xuất.</p>
26	<p>Hiện nay việc kiểm tra báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu hàng hóa xuất khẩu được thực hiện theo Quy trình kiểm tra sau thông quan ban hành theo Quyết định số 1410/QĐ-TCHQ ngày 14/5/2015 của TCHQ. Đề nghị TCHQ sớm ban hành Quy trình thủ tục hải quan đối với nghiệp vụ kiểm tra báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu</p>	<p>Việc kiểm tra tình hình sử dụng, kiểm tra báo cáo quyết toán thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ.</p>

	(HQ Cà Mau)	
Điều 60		
27	<p>Về việc kiểm tra báo cáo quyết toán đối với hàng gia công, sản xuất xuất khẩu: Bổ sung quy trình tiếp nhận, kiểm tra, xử lý đối với tại khoản 39 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi Điều 60 Thông tư 38/2015/TT-BTC bao gồm các nội dung về việc kiểm tra báo cáo quyết toán; sửa đổi, bổ sung báo cáo quyết toán.</p> <p>(HQ Quảng Ngãi)</p>	<p>Tổng cục Hải quan ghi nhận kiến nghị để xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ.</p>
28	<p>Tại điểm 3.a, khoản 39 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 “sửa đổi điều 60 TT38/2015/TT-BTC 25/3/2015” không quy định các doanh nghiệp lần đầu nộp báo cáo quyết toán thuộc trường hợp phải kiểm tra báo cáo quyết toán và Điều khoản chuyển tiếp cũng không hướng dẫn cho trường hợp này.</p> <p>(HQ TP.HCM)</p>	<p>Các trường hợp kiểm tra báo cáo quyết toán theo quy định tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro. Tổng cục Hải quan sẽ hướng dẫn cụ thể trong quy trình thay thế quy trình ban hành kèm theo Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ.</p>
Điều 64		
29	<p>Về thủ tục xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê, mượn đối với hợp đồng gia công:</p> <p>Thông tư số 39/2018/TT-BTC đã bãi bỏ quy định về thủ tục thông báo phương án xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê, mượn.</p> <p>Đề xuất: Sửa đổi quy định về việc tiếp nhận thông báo phương án xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê, mượn tại Điều 19 Quy trình 1966/QĐ-TCHQ cho phù hợp Thông tư số 39</p> <p>(HQ Quảng Ngãi, TP.HCM)</p>	<p>Tổng cục Hải quan ghi nhận nội dung này để xây dựng quy trình thay thế quy trình ban hành kèm theo Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ.</p>

III. Vương mắc Hệ thống		
<p>30</p>	<p>- Đề chủ động triển khai các thủ tục hải quan điện tử theo Nghị định và Thông tư mới, đề nghị Tổng cục công bố các thủ tục đã có trên hệ thống và có chức năng đáp ứng yêu cầu truyền nhận thông tin điện tử; hướng dẫn lộ trình, nội dung triển khai đối với những thủ tục chưa có hệ thống hoặc đã có hệ thống nhưng chưa có chức năng đáp ứng yêu cầu truyền nhận thông tin điện tử.</p> <p>(HQ Thanh Hóa, Hà Nội, HCM)</p> <p>- Theo hướng dẫn khai báo tại phụ lục II Thông tư 39/2018/TT-BTC, thì Doanh nghiệp phải thực hiện các nghiệp vụ khai báo như: Thông báo tách vận đơn đối với hàng hóa nhập khẩu (mẫu số 12), Thông báo thông tin hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp không có vận đơn (mẫu số 13), Thông báo thông tin hàng hóa dự kiến xuất khẩu (mẫu số 14), Thông báo đóng ghép chung container của hàng hóa thuộc nhiều tờ khai xuất khẩu (mẫu số 15), ... Tuy nhiên hiện nay, Doanh nghiệp chưa thực hiện được các chức năng này trên hệ thống.</p> <p>Các mẫu biểu số 17, 18, 19 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư số 39 chỉ quy định về chỉ tiêu khai báo điện tử, không có mẫu thực hiện bản giấy. Vì vậy, đề nghị hướng dẫn chung về nội dung các mẫu này khi thực hiện bản giấy để các đơn vị thực hiện.</p> <p>(HQ Quảng Nam, Cần Thơ, HQ Quảng ninh)</p>	<p>Hiện nay, Tổng cục Hải quan đang phối hợp với các Công ty xây dựng phần mềm hoàn thiện, bổ sung các chức năng trên Hệ thống và sớm đưa vào vận hành. Sau khi hoàn thiện, Tổng cục sẽ tổ chức tập huấn, hướng dẫn cách thức thực hiện cho các cán bộ công chức. Trong thời gian chờ các thủ tục hành chính chính thức đưa vào vận hành trên hệ thống, đề nghị các đơn vị hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng các Biểu mẫu ban hành kèm Thông tư hoặc thực hiện qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p>
<p>31</p>	<p>Hiện, phần mềm Doanh nghiệp đã khai báo được hợp đồng gia công, phụ lục hợp đồng gia công và gửi đến Hệ thống xử lý dữ liệu hải quan để lấy số tiếp nhận. Tuy nhiên, đơn vị chưa tra cứu được thông tin khai báo hợp đồng gia công, phụ lục hợp đồng gia công trên hệ thống.</p>	<p>Để tra cứu thông tin khai báo hợp đồng gia công trên hệ thống quản lý hàng hóa gia công, SXXX, đề nghị đơn vị thực hiện chức năng VI. Tra cứu thông tin => 1. Tra cứu thông tin chứng từ khai báo => 1.02. Tra cứu hợp đồng gia công.</p>

	(HQ Quảng Nam)	
32	<p>Hiện chưa thực hiện được việc khai báo tiêu chí Giấy phép trên tờ khai xuất khẩu do phần mềm Hệ thống VNACCS chưa nâng cấp và cập nhật. Trong thời gian Hệ thống chưa nâng cấp, Chi cục tạm thời hướng dẫn doanh nghiệp khai báo Giấy phép đối với mặt hàng than, quặng bauxit tại Phần ghi chú trên tờ khai.</p> <p>(HQ Quảng Ninh)</p>	<p>Việc khai báo chỉ tiêu Giấy phép xuất khẩu đã được quy định cụ thể tại điểm 2.33 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC thay thế Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC, đề nghị đơn vị hướng dẫn người khai hải quan thực hiện đúng theo quy định.</p> <p>Đối với các mặt hàng không thuộc diện quản lý bằng giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hoặc cơ quan kiểm tra chuyên ngành không ban hành giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành hoặc chứng từ có giá trị tương đương mà chỉ quy định người khai hải quan phải xuất trình chứng từ chứng minh hàng hóa đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu (ví dụ như hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của than xuất khẩu...) thì hướng dẫn người khai hải quan khai số hiệu/ngày tháng năm của các chứng từ tại chỉ tiêu phần ghi chú trên tờ khai hải quan.</p>
33	<p>Tại ô 2.19 Phụ lục I Thông tư 39/2018/TT-BTC thay thế phụ lục II Thông tư 38/2015/TT-BTC: Hướng dẫn khai báo tên người nhập khẩu quy định: "Trường hợp hợp đồng mua bán hàng hoá có điều khoản chỉ định nhận hàng tại Việt Nam (xuất khẩu tại chỗ) thì tên người nhập khẩu là tên người mua hàng tại nước ngoài; ghi người được chỉ định nhận hàng (tại Việt Nam) tại ô tên người uỷ thác nhập khẩu.</p> <p>Vướng mắc: Không có ô để khai báo người uỷ thác nhập khẩu trên tờ khai xuất khẩu.</p> <p>Đề xuất: Bổ sung thêm ô để khai báo người uỷ thác nhập khẩu trên tờ khai xuất khẩu.</p> <p>(HQ Hải Phòng)</p>	<p>Theo hướng dẫn tại mẫu số 02 Phụ lục I Thông tư số 39/2018/TT-BTC thay thế phụ lục II Thông tư số 38/2015/TT-BTC thì chỉ tiêu 2.19. Tên người nhập khẩu: "<i>Trường hợp hợp đồng mua bán có điều khoản chỉ định nhận hàng tại Việt Nam (xuất khẩu tại chỗ) thì tên người nhập khẩu là tên người mua hàng tại nước ngoài; ghi người được chỉ định nhận hàng (tại Việt Nam) tại ô "Phần ghi chú"</i>". Yêu cầu Cục Hải quan tỉnh, thành phố hướng dẫn người khai hải quan thực hiện theo đúng quy định.</p>

<p>34</p>	<p>Liên quan đến việc khai báo số lượng hàng hóa có phần thập phân vượt quá 02 ký tự, theo quy định tại 1.83 mẫu số 01 Phụ lục II “<i>Trường hợp số lượng thực tế có phần thập phân vượt quá 02 ký tự, người khai hải quan thực hiện làm tròn thành 02 ký tự thập phân sau dấu phẩy...đồng thời khai số lượng thực tế và đơn giá hóa đơn vào ô “Mô tả hàng hóa” theo nguyên tắc sau: “mô tả hàng hóa#&số lượng” (không khai đơn giá vào ô “Đơn giá hóa đơn)”</i>. Theo hướng dẫn thì đơn giá hóa đơn sẽ được khai tại ô “mô tả hàng hóa”, tuy nhiên khi hướng dẫn cách khai lại không hướng dẫn cách khai đơn giá trên dòng này. Mặt khác, theo phản ảnh của Doanh nghiệp, khi khai theo nguyên tắc như trên thì nội dung mô tả tên hàng được khai trước nội dung số lượng sẽ bị mất đi khi truyền đến hệ thống của cơ quan hải quan, dẫn đến thông tin cơ quan hải quan nhận được chỉ thể hiện mỗi nội dung “#&số lượng”.</p> <p>(HQ Quảng Ngãi)</p>	<p>- Đối với trường hợp số lượng hàng hóa có phần thập phân vượt quá 02 ký tự, người khai hải quan thực hiện làm tròn thành 02 ký tự thập phân sau dấu phẩy..., đồng thời khai số lượng thực tế và đơn giá hóa đơn vào ô “Mô tả hàng hóa” theo nguyên tắc sau: “mô tả hàng hóa#&số lượng”. Phần đơn giá hóa đơn được khai vào ô mô tả hàng hóa sau khi thực khai các nội dung trên và được ngăn cách bằng dấu chấm (.)</p> <p>- Theo thiết kế hệ thống chỉ tiêu “Mô tả hàng hóa” người khai hải quan được khai tối đa 200 ký tự. Trường hợp thông tin khai báo tại chỉ tiêu “Mô tả hàng hóa” vượt quá ký tự cho phép đề nghị người khai hải quan khai bổ sung nội dung vào phần “Ghi chú” hoặc sử dụng tệp tin đính kèm (nghiệp vụ HYS) để ghi nhận các nội dung cần khai báo.</p>
<p>35</p>	<p>Tại Thông tư 39/2018/TT-BTC khi nêu “mẫu ... thuộc Thông tư này” tuy nhiên tra cứu không có các mẫu theo trích dẫn tại Thông tư 39. Ví dụ khoản 1 điều 18 được sửa đổi, bổ sung “Người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin trên tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu 01 hoặc mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này” tuy nhiên tra cứu mẫu 01, 02 thuộc Phụ lục I ban hành theo Thông tư 39/2018/TT-BTC; tại điều 55 quy định “Định mức thực tế sản xuất... được xác định theo quy định tại mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này” tuy nhiên nếu theo Thông tư 39 thì định mức thực tế sản xuất được xác định theo mẫu 16/ĐMTT/GSQL Phụ lục II.</p>	<p>Tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC có 02 loại mẫu Biểu: Một loại là các chỉ tiêu thông tin được áp dụng khi người khai hải quan thực hiện thông qua hệ thống; một loại là mẫu biểu giấy được áp dụng khi người khai hải quan thực hiện bằng giấy trong trường hợp hệ thống chưa đáp ứng hoặc hệ thống gặp sự cố.</p>
<p>36</p>	<p>Trừ lùi C/O điện tử hàng hóa từ nước ngoài vào kho ngoại quan để nhập khẩu vào nội địa nhiều lần:</p>	<p>Tổng cục Hải quan ghi nhận khi xây dựng Hệ thống, trước mắt, đề nghị đơn vị thực hiện việc theo dõi trừ lùi trên bản giấy.</p>

Căn cứ Điều 23 Thông tư 38/2018/TT-BTC về trừ lùi Giấy Chứng nhận xuất xứ hàng hóa: “Người khai hải quan đăng ký theo dõi trừ lùi C/O trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo các chỉ tiêu thông tin tại mẫu số 01/CT/ĐTTL/GSQL Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, nộp 1 bản chụp C/O thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và 01 bản chính C/O cho Chi cục Hải quan Quản lý kho ngoại quan trước khi đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu lô hàng đầu tiên từ kho ngoại quan vào nội địa”.

Ý kiến: Chưa có hướng dẫn đối với trường hợp trừ lùi Giấy Chứng nhận xuất xứ hàng hóa điện tử, đề nghị có hướng dẫn để thực hiện.

(HQ TP.HCM)

TỔNG CỤC HẢI QUAN